



DANH SÁCH SINH VIÊN MIỄN KIỂM TRA ANH VĂN ĐẦU VÀO KHÓA 26ĐH CHÍNH QUY

TT	MSSV	Họ và Tên	Lớp	Điểm/chứng chỉ	Ghi chú	Ngành
5	2042260003	Hoàng Phan Phúc An	26DHKTN01	IELTS 5.5		Kỹ thuật nhiệt
11	2042260006	Nguyễn Lê Trường An	26DHKTN01	5.5	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
13	2025260005	Nguyễn Thành An	26DHCĐT04	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
43	2025260011	Ngô Võ Duy Anh	26DHCĐT01	8.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
78	2003260008	Phạm Thế Anh	26DHCK04	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
95	2003260011	Võ Thị Vân Anh	26DHCK03	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
102	2025260014	Huỳnh Phúc Ân	26DHCĐT05	5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
125	2025260018	Lê Nguyễn Gia Bảo	26DHCĐT01	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
135	2003260022	Nguyễn Thái Bảo	26DHCK04	6.25	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
143	2003260025	Trần Nguyễn Quốc Bảo	26DHCK03	7.25	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
144	2003260028	Trương Gia Bảo	26DHCK04	5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
147	2025260027	Nguyễn Thế Bảo	26DHCĐT04	5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
148	2025260029	Đỗ Xuân Bắc	26DHCĐT05	5.75	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
154	2003260030	Lê Lương Bình	26DHCK05	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
162	2003260033	Huỳnh Vĩnh Cát	26DHCK03	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
192	2025260039	Lưu Hoàng Danh	26DHCĐT01	5.75	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
218	2042260027	Võ Tấn Dũng	26DHKTN03	6	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
228	2025260049	Nguyễn Phương Duy	26DHCĐT01	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
232	2025260051	Phạm Thế Khánh Duy	26DHCĐT03	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
237	2003260048	Vũ Nguyễn Đăng Duy	26DHCK04	6	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
248	2003260049	Nguyễn Đức Thái Dương	26DHCK04	5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
264	2025260063	Lê Quốc Đạt	26DHCĐT02	6.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
270	2003260061	Nguyễn Tuấn Đạt	26DHCK04	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
274	2003260062	Nhan Nguyễn Thành Đạt	26DHCK01	5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
278	2042260038	Trần Tiến Đạt	26DHKTN01	6.75	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
293	2003260068	Bùi Quang Anh Đức	26DHCK04	5.25	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
296	2003260072	Nguyễn Minh Đức	26DHCK04	5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
313	2042260042	Võ Thanh Giàu	26DHKTN03	5	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
326	2025260085	Nguyễn Phạm Huy Hải	26DHCĐT03	5.75	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
379	2025260092	Thích Chí Hiền	26DHCĐT05	IELTS 4.0		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
380	2042260050	Trần Công Hiền	26DHKTN02	5.25	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
386	2003260087	Nguyễn Phạm Khắc Hiếu	26DHCK04	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
388	2003260089	Phạm Lý Thừa Hiếu	26DHCK02	5.75	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
394	2025260095	Vũ Minh Hiếu	26DHCĐT02	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
399	2003260092	Châu Phong Hòa	26DHCK01	5.25	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
407	2025260102	Nguyễn Hoàng Hoàng	26DHCĐT03	IELTS 5.0		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
410	2003260099	Nguyễn Minh Hoàng	26DHCK04	6	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
414	2042260053	Phạm Gia Hoàng	26DHKTN01	6	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
418	2025260108	Trần Ngọc Phước Huệ	26DHCĐT02	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
428	2025260115	Hà Quốc Huy	26DHCĐT03	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
431	2003260111	Lê Anh Huy	26DHCK01	IELTS 5.0		Công nghệ chế tạo máy
439	2025260117	Nguyễn Bá Quang Huy	26DHCĐT01	IELTS 5.0		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
441	2003260113	Nguyễn Gia Huy	26DHCK04	IELTS 5.5		Công nghệ chế tạo máy
445	2025260120	Nguyễn Hồ Minh Huy	26DHCĐT04	5.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
447	2042260058	Nguyễn Minh Huy	26DHKTN01	6.25	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
448	2025260122	Nguyễn Ngọc Gia Huy	26DHCĐT02	7	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
452	2025260126	Nguyễn Trí Quốc Huy	26DHCĐT02	6	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
454	2025260130	Phạm Đăng Gia Huy	26DHCĐT04	6.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
460	2025260128	Phan Tấn Huy	26DHCĐT04	5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
466	2025260140	Võ Thanh Huy	26DHCĐT02	IELTS 8.0		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
476	2042260066	Hồ Phước Hưng	26DHKTN03	5.75	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
477	2042260067	La Minh Hưng	26DHKTN03	6.25	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
481	2003260123	Nguyễn Đại Hưng	26DHCK02	6.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
486	2042260069	Nguyễn Thanh Hưng	26DHKTN02	6	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
488	2003260125	Phạm Khánh Hưng	26DHCK04	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
491	2003260126	Trần Tấn Hưng	26DHCK01	5.75	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
508	2025260146	Nguyễn Hoàng Minh Hy	26DHCĐT02	5.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
509	2003260128	Đỗ Trung Kiên	26DHCK01	5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
511	2003260130	Vũ Anh Kiên	26DHCK04	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
519	2025260153	Nguyễn Vũ Tuấn Kiệt	26DHCĐT04	5.75	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
522	2042260075	Võ Văn Kiệt	26DHKTN01	5	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
524	2003260135	Vũ Hoàng Tuấn Kiệt	26DHCK01	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
543	2025260161	Trần Quang Khải	26DHCĐT04	VSTEP BẬC 3		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
553	2025260164	Lưu Nguyễn Minh Khang	26DHCĐT03	6.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

556	2042260082	Nguyễn Hoàng	Khang	26DHKTNO3	6	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
559	2025260166	Phạm Ân	Khang	26DHCDT01	6.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
568	2042260084	Đặng Minh Phi	Khanh	26DHKTNO3	8	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
574	2042260085	Cao Quốc	Khánh	26DHKTNO3	5.25	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
578	2003260149	Lê Bửu	Khánh	26DHCK04	6	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
615	2025260183	Lê Minh	Khôi	26DHCDT05	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
617	2042260096	Nguyễn Đăng	Khôi	26DHKTNO1	5.5	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
624	2025260187	Trần Duy	Khôi	26DHCDT03	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
625	2042260098	Trần Duy	Khôi	26DHKTNO3	5.75	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
634	2042260099	Phạm Hoàng	Khương	26DHKTNO2	5	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
642	2025260188	Bùi Hải	Lâm	26DHCDT05	7.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
644	2003260167	Nguyễn Hoàng Phương	Lâm	26DHCK01	IELTS 6.0		Công nghệ chế tạo máy
649	2003260169	Phan Tùng	Lâm	26DHCK01	5.75	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
711	2025260203	Nguyễn Lê Hoàng	Lực	26DHCDT01	6.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
721	2025260204	Lê Thị Xuân	Mai	26DHCDT06	5.75	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
730	2025260208	Nguyễn Xuân	Mạnh	26DHCDT04	5.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
742	2025260210	Hồ Duy Quang	Minh	26DHCDT04	7.75	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
747	2003260189	Lê Trần Tiến	Minh	26DHCK05	6.75	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
751	2025260215	Nguyễn Cao	Minh	26DHCDT03	IELTS 7.0		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
758	2025260217	Nguyễn Phát Thành	Minh	26DHCDT06	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
759	2025260220	Phạm Gia	Minh	26DHCDT03	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
763	2025260222	Tô Gia	Minh	26DHCDT06	6.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
765	2025260224	Vũ Trần Quang	Minh	26DHCDT06	6.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
797	2003260196	Nguyễn Hải	Nam	26DHCK01	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
801	2003260197	Nguyễn Nhật	Nam	26DHCK05	5.25	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
804	2025260230	Phan Hoàng	Nam	26DHCDT06	5.75	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
886	2003260204	Hoàng Tuấn	Nguyễn	26DHCK03	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
888	2042260116	Ngô Lê Trung	Nguyễn	26DHKTNO3	5.25	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
914	2025260242	Lê Thanh	Nhân	26DHCDT04	IELTS 5.5		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
931	2025260248	Nguyễn Minh	Nhật	26DHCDT02	5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
987	2025260249	Phạm Thị Quỳnh	Như	26DHCDT03	5.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1001	2042260122	Lâm Tấn	Phát	26DHKTNO3	5.25	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
1010	2025260254	Trần	Phát	26DHCDT01	6	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1036	2025260255	Lê Lộc	Phú	26DHCDT05	6	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1067	2025260261	Nguyễn Trần Thiên	Phúc	26DHCDT05	IELTS 4.5		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1086	2003260233	Lâm Khánh	Phương	26DHCK01	7.25	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
1108	2025260272	Hoàng Mạnh	Quân	26DHCDT03	6.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1109	2042260128	Hồ Hoàng	Quân	26DHKTNO1	7.75	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
1112	2042260129	Lê Hoàng	Quân	26DHKTNO2	5	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
1114	2025260273	Lê Minh	Quân	26DHCDT01	7.75	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1115	2025260274	Lê Ngọc Anh	Quân	26DHCDT04	5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1117	2003260240	Nguyễn Đăng	Quân	26DHCK02	5.75	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
1120	2042260130	Nguyễn Lê Minh	Quân	26DHKTNO2	6	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
1121	2003260243	Nguyễn Ngọc Anh	Quân	26DHCK02	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
1128	2003260249	Hồ Ngọc	Quý	26DHCK05	5.25	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
1139	2003260251	Lê Văn	Quyền	26DHCK03	6	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
1140	2025260283	Lữ Hồng	Quyền	26DHCDT05	5.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1160	2003260253	Huỳnh Phước	Sang	26DHCK02	5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
1163	2042260135	Trương Thúy	Sang	26DHKTNO2	5	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
1182	2025260292	Trương Hữu	Tài	26DHCDT04	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1193	2042260140	Nguyễn Minh	Tân	26DHKTNO1	6.75	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
1202	2003260264	Đỗ Minh	Tiến	26DHCK01	IELTS 5.0		Công nghệ chế tạo máy
1203	2025260303	Lê Tấn	Tiến	26DHCDT02	6	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1204	2003260265	Nguyễn Chí	Tiến	26DHCK01	5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
1211	2003260270	Nguyễn Khánh	Tín	26DHCK03	6.25	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
1214	2042260144	Phan Trung	Toàn	26DHKTNO2	6.75	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
1257	2025260328	Phan Bá	Tùng	26DHCDT02	5.5	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1269	2025260330	Phạm Ngọc	Thái	26DHCDT01	IELTS 5.0		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1280	2025260333	Lê Viết	Thành	26DHCDT02	5.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1282	2003260291	Ngô Hoàng	Thành	26DHCK01	5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
1307	2003260294	Lê Minh	Thắng	26DHCK01	7.5	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
1329	2003260301	Lê Quốc	Thịnh	26DHCK01	6	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
1335	2025260345	Nguyễn Tuấn	Thịnh	26DHCDT02	5.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1339	2042260163	Phạm Kim	Thịnh	26DHKTNO1	5	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
1342	2025260346	Thái Mộc Gia	Thịnh	26DHCDT06	7.25	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1358	2042260164	Ngô Đức	Thuận	26DHKTNO1	6.5	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
1363	2042260165	Trần Quốc	Thuận	26DHKTNO3	6.5	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
1429	2042260167	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	26DHKTNO3	6.5	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
1478	2003260308	Hà Đình Đức	Trí	26DHCK01	5.25	Điểm thi THPT	Công nghệ chế tạo máy
1523	2025260366	Bùi Nhật	Trường	26DHCDT06	IELTS 5.5		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
1560	2025260372	Phạm Gia	Viên	26DHCDT06	6.75	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

1575	2003260328	Lại Quang	Vũ	26DHCK02	IELTS 4.0		Công nghệ chế tạo máy
1585	2003260333	Nguyễn Duy	Vương	26DHCK01	IELTS 5.5		Công nghệ chế tạo máy
1587	2042260180	Phạm Huy	Vương	26DHKTN01	7	Điểm thi THPT	Kỹ thuật nhiệt
1628	2025260381	Nguyễn Triệu	Vỹ	26DHCDT06	6	Điểm thi THPT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử